|  |
| --- |
| Môn học phát triển ứng dụng hệ thống thông tin hiện đại – Bộ môn hệ thống thông tin – khoa công nghệ thông tin – trường đại học khoa học tự nhiên |
| Thiết kế chi tiết chức năng hệ thống |
| Quản Lý Khách Sạn |
|  |
| **Biên soạn: Tú Phạm** |
| **9/9/2017** |

1. Tham chiếu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Phiên bản |
| KS-1 | Khảo sát hệ thống | 1.0 |
| SRS-01 | [SRS] [C43] Quản lý xe khách | 1.0 |
| FR-01 | [FRA] [C43] Quản lý xe khách | 1.0 |
| FD-01 | [FD] [C43] Quản lý xe khách | 1.0 |

1. Thông tin tài liệu

|  |
| --- |
|  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số | Tên tài liệu | Nội dung cập nhật | Phiên bản | Tác giả | Mô tả |
| DD-01 | Thiết kế chi tiết | Khởi tạo | 1.0 | C43 | Thiết kế chi tiết các chức năng hệ thống quản lý xe khách. |

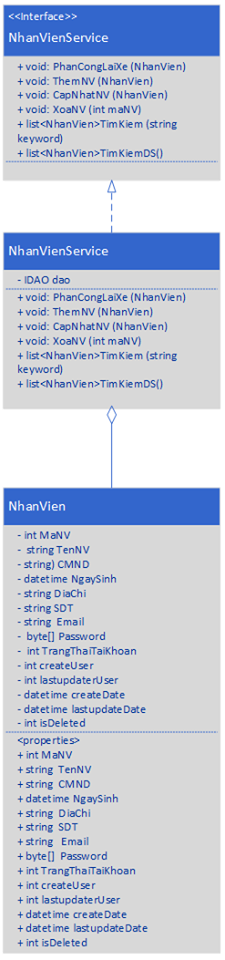
1. Kiến trúc hệ thống
   1. **Quản lý Nhân viên**
      1. Sơ đồ lớp hệ thống



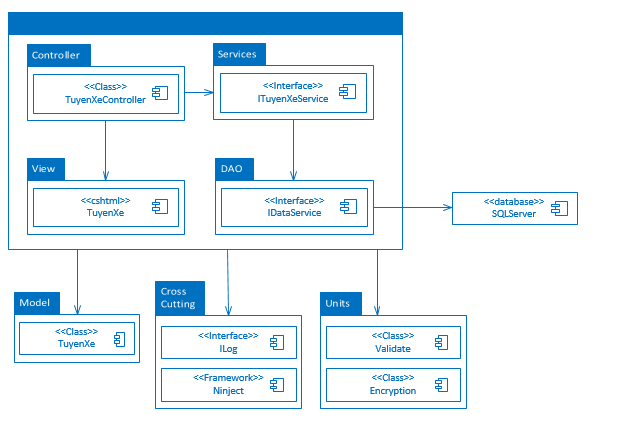
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_NhanVien**

Tham chiếu: [FR01] - [CLS\_01]



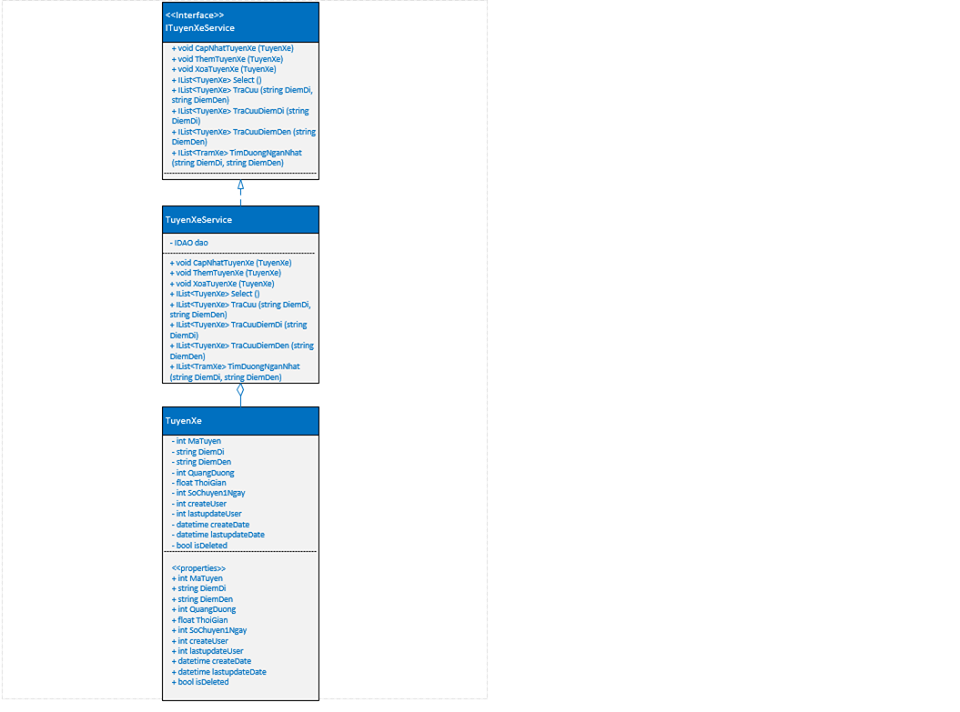
* 1. **Quản lý Tuyến xe**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_TuyenXe**

Tham chiếu: [FR-01] – [CLS\_02]



* 1. **Quản lý Tỉnh thành**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



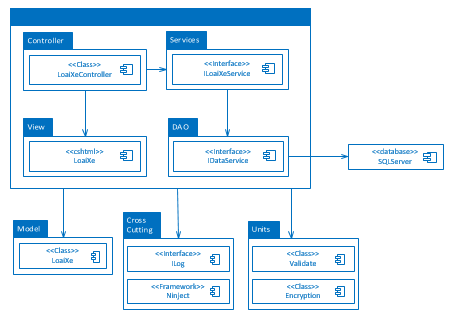
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_TinhThanh**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



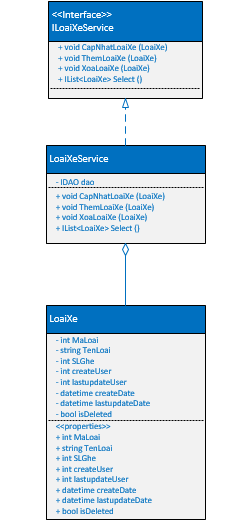
* 1. **Quản lý Loại xe**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



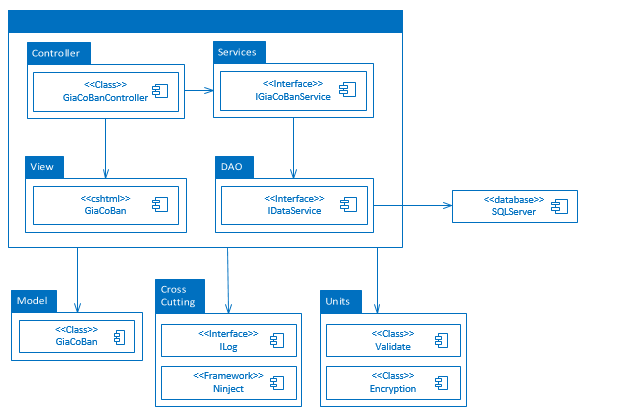
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_LoaiXe**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



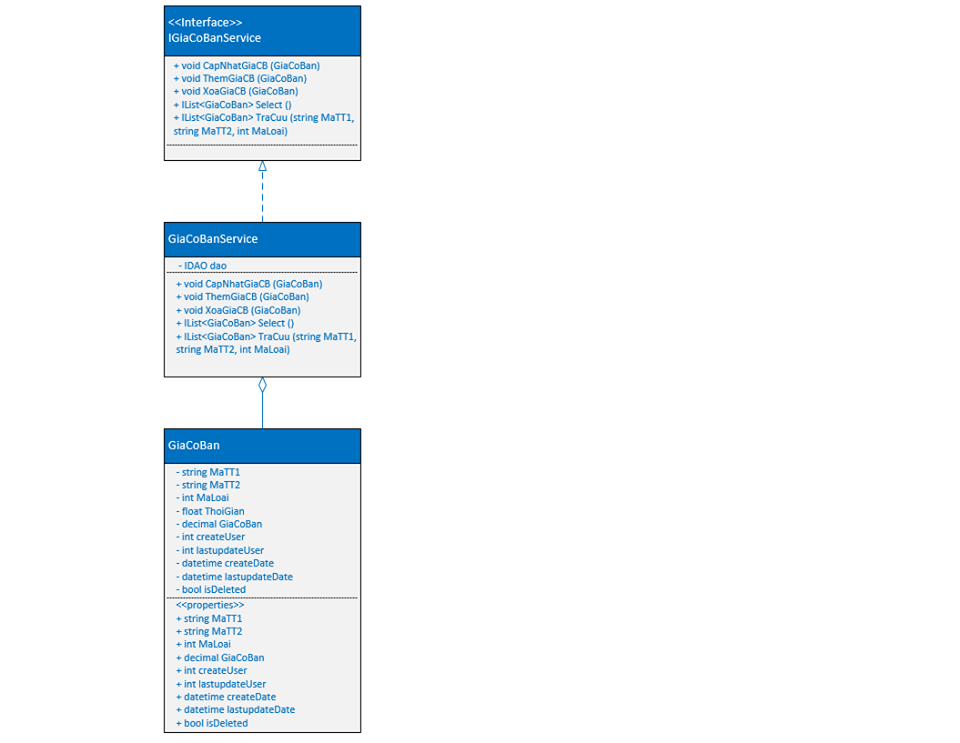
* 1. **Quản lý Giá cơ bản**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_GiaCoBan**

Tham chiếu: [FR-01] – [CLS\_04]



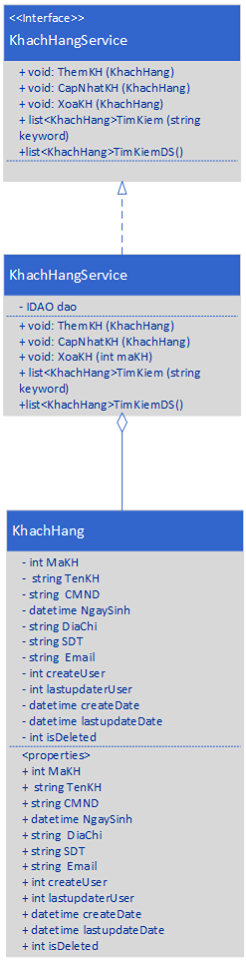
* 1. **Quản lý Khách hàng**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_KhachHang**

Tham chiếu: [FR01]-[CLS\_05]



* 1. **Quản lý Chuyến xe**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_ChuyenXe**

Tham chiếu: [FR01]-[CLS\_06]



* 1. **Quản lý Tài xế**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_TaiXe**

Tham chiếu: [FR01]-[CLS\_01]



* 1. **Quản lý Xe**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



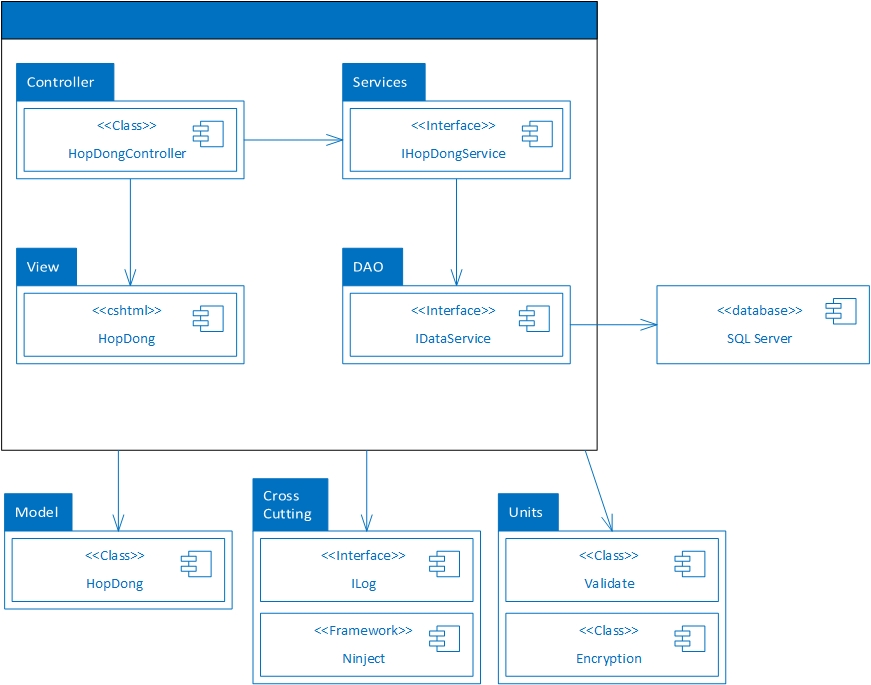
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_Xe**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



* 1. **Quản lý Hợp Đồng**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_HopDong**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



* 1. **Quản lý Đối tác**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_DoiTac**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



* 1. **Quản lý Trạm xe**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



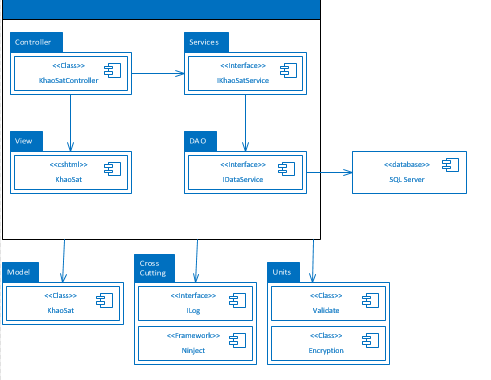
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_TramXe**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



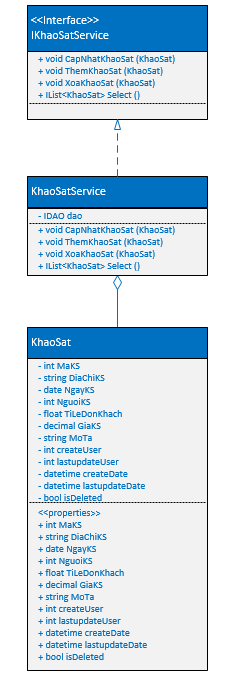
* 1. **Quản lý Khảo sát**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_KhaoSat**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



* 1. **Quản lý Lộ trình**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_LoTrinh**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



* 1. **Quản lý Vé**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



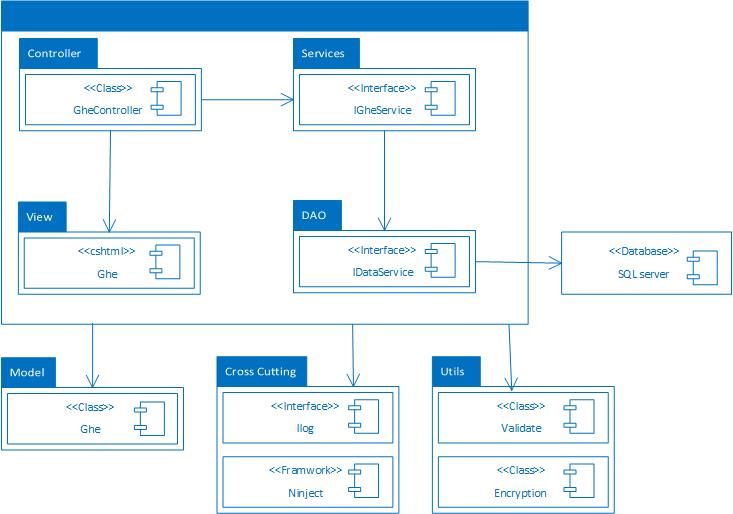
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_Ve**

Tham chiếu: [FR01]-[CLS\_09]



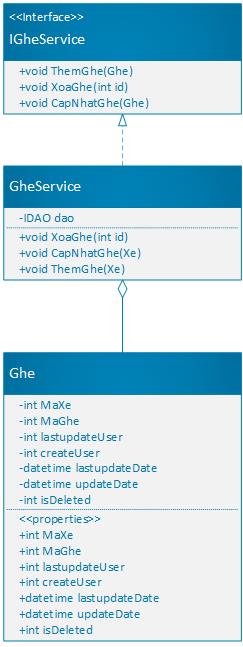
* 1. **Quản lý Ghế**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



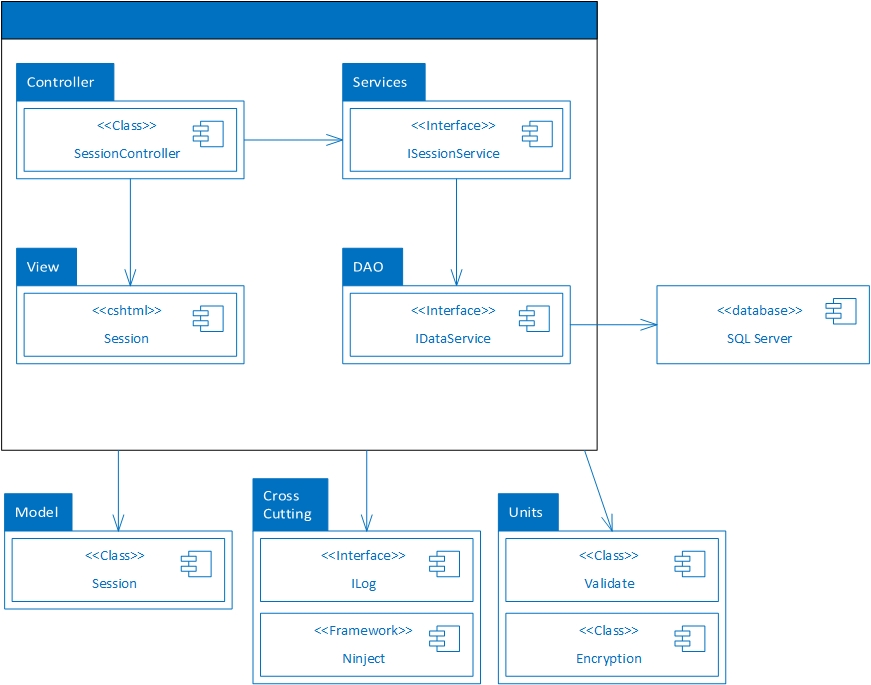
* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_Ghe**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



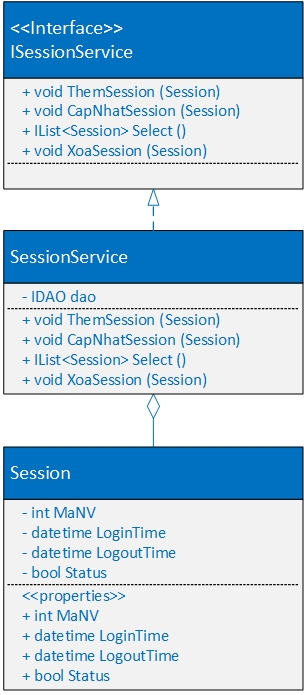
* 1. **Quản lý Session**
     1. Sơ đồ lớp hệ thống



* + 1. Sơ đồ lớp chi tiết

Mã số: **DCLS\_Session**

Tham chiếu: [FR-01] UCCN-, …..



1. Thành phần giao diện - View
   1. Quản lý nhân viên

**Tham chiếu**: [FD-01] TblNhanVien\_01

* + 1. Màn hình danh sách nhân viên

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm nhân viên

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin nhân viên

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa nhân viên

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý tuyến xe

**Tham chiếu**: [FD-01] TblTuyenXe\_01

* + 1. Màn hình danh sách tuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm tuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin tuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa tuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý tỉnh thành

**Tham chiếu**: [FD-01] TblTinhThanh\_01

* + 1. Màn hình danh sách tỉnh thành

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm tỉnh thành

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin tỉnh thành

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa tỉnh thành

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý loại xe

**Tham chiếu**: [FD-01] TblLoaiXe\_01

* + 1. Màn hình danh sách loại xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm loại xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin loại xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa loại xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý giá cơ bản

**Tham chiếu**: [FD-01] TblGiaCoBan\_01

* + 1. Màn hình danh sách giá cơ bản

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm giá cơ bản

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin giá cơ bản

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa giá cơ bản

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý khách hàng

**Tham chiếu**: [FD-01] TblKhachHang\_01

* + 1. Màn hình danh sách khách hàng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm khách hàng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin khách hàng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa khách hàng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý chuyến xe

**Tham chiếu**: [FD-01] TblChuyenXe\_01

* + 1. Màn hình danh sách chuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm chuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin chuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa chuyến xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý tài xế

**Tham chiếu**: [FD-01] TblTaiXe\_01

* + 1. Màn hình danh sách tài xế

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm tài xế

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin tài xế

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa tài xế

<<hình>>

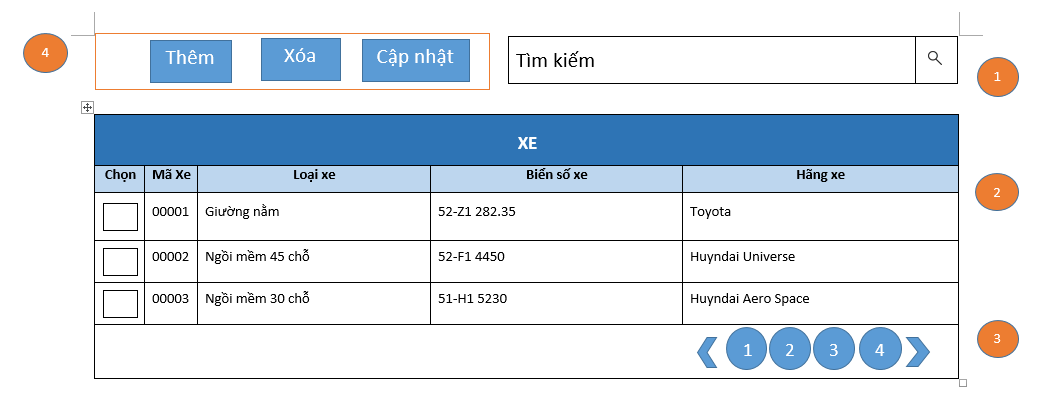
**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý xe

**Tham chiếu**: [FD-01] TblXe\_01

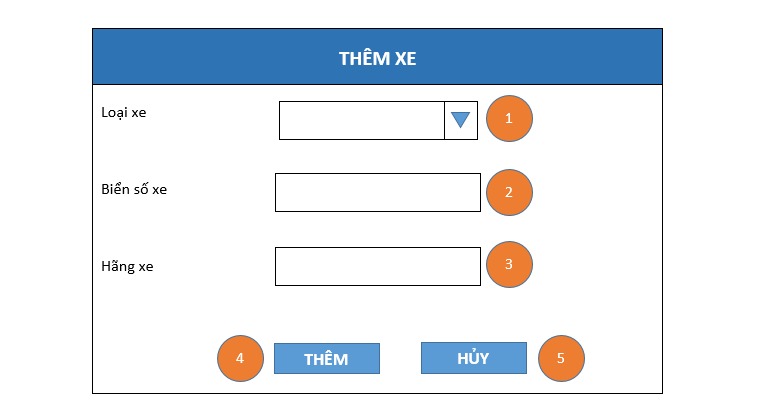
* + 1. Màn hình danh sách Xe

****

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
| 1 | 1 | Thanh tìm kiếm xe |
| 2 | 2 | List danh sách xe |
| 3 | 3 | Thanh phân trang |
| 4 | 4 | Button thao tác thêm xóa sửa mở ra một dialog chi tiết |

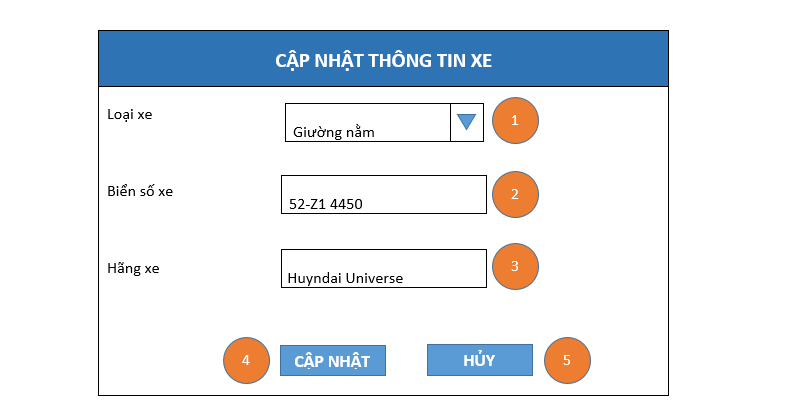
* + 1. Màn hình thêm xe

****

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
| 1 | 1 | Dropdown để chọn loại xe |
| 2 | 2 | Input để nhập biển số xe |
| 3 | 3 | Input để nhập hãng xe |
| 4 | 4 | Button thêm thực hiện thao tác thêm mới xe vừa nhập |
| 5 | 5 | Button hủy thực hiện trở lại màn hình danh sách xe và không thêm mới xe |

* + 1. Màn hình sửa thông tin xe

****

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
| 1 | 1 | Dropdown để chọn loại xe |
| 2 | 2 | Input để nhập biển số xe |
| 3 | 3 | Input để nhập hãng xe |
| 4 | 4 | Button thêm thực hiện thao tác sửa thông tin xe được chọn |
| 5 | 5 | Button hủy thực hiện trở lại màn hình danh sách xe và không sửa thông tin xe |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa xe

****

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
| 1 | 1 | Button xác nhận đồng ý xóa xe được chọn |
| 2 | 2 | Button xác nhận hủy việc xóa xe được chọn |

* 1. Quản lý hợp đồng

**Tham chiếu**: [FD-01] TblTaiXe\_01

* + 1. Màn hình danh sách hợp đồng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm hợp đồng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin hợp đồng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa hợp đồng

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý đối tác

**Tham chiếu**: [FD-01] TblDoiTac\_01

* + 1. Màn hình danh sách đối tác

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm đối tác

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin đối tác

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa đối tác

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý trạm xe

**Tham chiếu**: [FD-01] TblTramXe\_01

* + 1. Màn hình danh sách trạm xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm trạm xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin trạm xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa trạm xe

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý khảo sát

**Tham chiếu**: [FD-01] TblTKhaoSat\_01

* + 1. Màn hình danh sách khảo sát

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm khảo sát

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin khảo sát

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa khảo sát

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý lộ trình

**Tham chiếu**: [FD-01] TblLoTrinh\_01

* + 1. Màn hình danh sách lộ trình

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm lộ trình

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin lộ trình

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa lộ trình

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý vé

**Tham chiếu**: [FD-01] TblVe\_01

* + 1. Màn hình danh sách vé

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm vé

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin vé

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa vé

<<hình>>

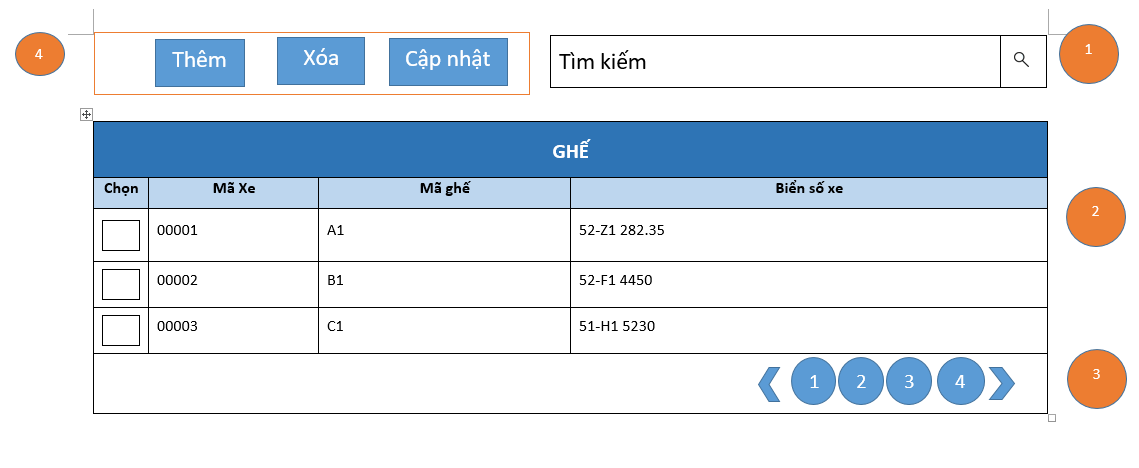
**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý ghế

**Tham chiếu**: [FD-01] TblGhe\_01

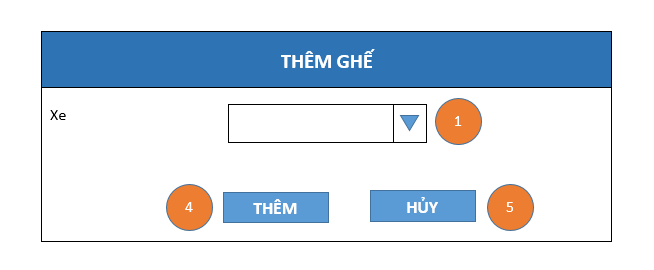
* + 1. Màn hình danh sách ghế

****

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm ghế

****

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin ghế

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa ghế

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* 1. Quản lý session

**Tham chiếu**: [FD-01] TblSession\_01

* + 1. Màn hình danh sách session

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình thêm session

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình sửa thông tin session

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

* + 1. Màn hình xác nhận xóa session

<<hình>>

**Diễn giải**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nhóm control | Mô tả |
|  |  |  |

1. Luồng xử lý chức năng

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | **SQP01** |
| Tham chiếu | **[FR-01] UCCN-02** |
| Tên chức năng | Thêm phòng |
| Mô tả | Chức năng thêm thông tin phòng mới , mô hình thể hiện tương tác với các thành phần khác trong hệ thống. |
| Luồng xử lý |  |

1. Thành phần Service
   1. Lớp PhongVipService
      1. Phương thức ThemPhong

|  |  |
| --- | --- |
| Mã số | **ACDP-01** |
| Tham chiếu | **UCCN-2** |
| Tên phương thức | ThemPhong |
| Mô tả | Chức năng thêm thông tin cho phòng mới |
| Tham số | PhongVip |
| Giá trị trả về | int |
| Thuật toán |  |

* + 1. Phương thức XoaPhong

1. Thành phần Model
   1. Class PhongBase
      1. Định nghĩa các thuộc tính như Hình 4 Kiến trúc chi tiết Quản lý Phòng
   2. Class PhongVIP
      1. Định nghĩa các thuộc tính như Hình 4 Kiến trúc chi tiết Quản lý Phòng
   3. Class PhongBT
      1. Định nghĩa các thuộc tính như Hình 4 Kiến trúc chi tiết Quản lý Phòng